

CHÚ ĐẠI THỪA NHẬP LĂNG-GIÀ KINH

QUYỂN 6

1. Nêu hai vấn trái nhau để thưa hỏi Như lai:

“Lúc bấy giờ, Bồ-tát Đại Tuệ... cho đến Nguyệt Quang Diệu Nhân như thế v.v...”: Nhân ở trên nói giác các pháp như hai vô ngã v.v... gọi là Phật. Các Đức Phật ở quá khứ đã giác ngộ pháp này, nên gọi là Phật. Vì ở quá khứ, Đức Thế Tôn đã giác ngộ, nay cũng giác được pháp này nên cũng gọi là Phật. Đạo giác ngộ tuy một, nhưng quá khứ, hiện tại khác nhau. Vì sao nói ta là tất cả các Đức Phật trong quá khứ, và kinh Bốn Sinh nói: Như lai trong quá khứ từng thọ sinh các loài, như làm vua quán đảnh và làm voi đầu đàn, chim đầu đàn, vị tiên Nguyệt Quang Diệu Nhân v.v... trong trăm ngàn đời, lại nói ta là tất cả các Đức Phật quá khứ: nêu hai vấn trái nhau để thưa hỏi Như lai.

2. Nói về tự bình đẳng:

“Phật bảo Này Đại Tuệ! Như lai Ứng chánh đẳng giác... cho đến tên Phật không khác đó gọi là tự đẳng”: Các đức Phật tên gọi không hai, không khác, đó gọi là tự bình đẳng. Cũng như Ương-quật-ma-la cùng Văn-thù-sư-lợi đi khắp mười phương, thấy các Đức Phật trong mười phương, các Đức Phật ấy đều xưng là Phật Thích-ca.

3. Nói về ngữ bình đẳng:

“Thế nào là ngữ bình đẳng?... cho đến không có khác nhau gọi là ngữ đẳng”: Kinh Mật Tích Lực Sĩ quyển hai chép: Âm thanh của Phật có tám chuyển, đó là thể thanh, nghiệp thanh, cụ thanh, sở vi thanh, tùng thanh, thuộc thanh, y thanh (ư cách) và hô thanh. Đó là tám chuyển thanh, mỗi thanh có đủ tám đức. Có chỗ nói tám chuyển là: Điều hòa thanh, nhu nhuyễn thanh, để liễu thanh, dị giải thanh, vô thố mậu thanh, vô thư tiểu thanh, quảng đại thanh, thâm viển thanh, tám lần tám thành sáu mươi bốn thứ. Chẳng phải chỉ có Đức Phật Thích-ca mà tất cả các Đức Phật đều như vậy. Ca-lăng-tần-già là tên chim, tiếng hót của loài chim này êm tai, hay hơn các loài chim khác, nên dẫn ra đây làm ví dụ.

4. Nói về thân bình đẳng:

“Thế nào là thân bình đẳng?... cho đến hiện thân tùy loại gọi là thân đẳng”: Pháp thân, biết rõ hai thứ người pháp vô ngã... gọi là pháp thân. Sắc thân, là tướng tốt trang nghiêm gọi là sắc thân. Các Đức Phật đều chẳng khác nhau, trừ ra vì muốn điều phục các loài chúng sinh khác nhau trong các đường kia nên thị hiện các thứ thân hình khác nhau. Đây là đáp thế nào là Phật và trăm ngàn chủng loại thọ sinh, đó gọi là thân đẳng không có trái nhau.

5. Nói về pháp bình đẳng:

“Thế nào là pháp bình đẳng?... cho đến ở trong đại chúng nói rằng”: Ba mươi bảy Pháp phần Bồ-đề: Bồ-đề là giác, phần là nhân. Ba mươi bảy phần này là nhân giác ngộ của các thừa, cũng gọi là đạo phẩm. Cho nên kinh Tịnh Danh chép: Đạo phẩm là đạo tràng, là nhân của pháp thân. Nhưng ba mươi bảy phẩm gồm có bảy loại: 1. Đạo đối trị điên đảo, là bốn niệm xứ. 2. Đạo dứt các biếng nhác, tức bốn chánh cần. 3. Đạo dẫn phát thần thông, là bốn thần túc. 4. Đạo hiện quán phương tiện, tức là năm căn. 5. Đạo thân cận hiện quán, là năm lực. 6. Đạo hiện quán tự thể, bảy giác phần. 7. Đạo hiện quán hậu khởi, tức tám chánh đạo. Nghĩa như ở chỗ khác nói: Về thứ lớp của bảy loại này, nghĩa là nghe pháp rồi trước phải nhớ giữ, kế là siêng; vì siêng tu cho nên nhiếp tâm điều nhu; vì điều nhu cho nên tín v.v... thành căn, căn tăng là năng lực, bảy giác phần khác nhau, tám chánh là chánh hành, đều dùng ví dụ để hiển bày.

Pháp tánh như đất, niệm xứ như hạt giống, chánh cần là trồng trọt, thần túc như nẩy mầm, năm căn như sinh rễ, năm lực như thân lá thêm lớn. Nở bảy hoa giác ngộ. Tổng kết tám chánh quả, tất cả các Đức Phật đều đồng chứng được, đó gọi là pháp bình đẳng. Ở bản khác, trong pháp Bồ-đề phần lại có sáu chữ mười lực, bốn vô úy thủy.

6. Mật ý bốn thứ bình đẳng:

“Lúc ấy, Đức Thế Tôn lại nói kệ rằng: Ca-diếp, Câu-lưu-tôn, Câu-na-hàm là ta, nương bốn thứ bình đẳng, nói cho các Phật tử nói”: Bài tụng trên nói tên bốn vị Phật và mật ý bốn thứ bình đẳng.

“Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ... cho đến nương mật ý gì mà nói như vậy”: Vì ở trên nương bốn thứ bình đẳng, nói cho các Phật tử nghe, tức là Như lai có nói, cho nên nêu lên khoảng giữa hai đêm, trong khoảng giữa đó, thật không có nói để thưa hỏi.

“Phật bảo Nay Đại Tuệ! Nương hai mật pháp... cho đến lìa tướng danh tự lìa tướng phân biệt”: Ở đây nói tự chứng pháp sở hành cảnh

giới, Như lai ba đời rất ráo bình đẳng, đều lia tướng lời nói, tâm duyên, danh tự, cho nên nói không nói.

7. Pháp trụ pháp vị đều là thường trụ:

“Thế nào là pháp bốn trụ?... cho đến Pháp giới pháp tánh thấy đều thường trụ”: Như tánh vàng bạc v.v... xưa nay tự có, chẳng phải do người thợ bạc trau chuốt mới có, lấy đây dụ cho pháp tánh bốn trụ vốn tự sẵn, không phải do Như lai nói mới có. Nhờ Như lai ra đời nói ra, pháp giới cũng không thêm, nếu Phật không ra đời không nói, thì pháp giới cũng không giảm bớt. Nói pháp trụ pháp vị này thấy đều thường trụ, chẳng phải lời nói.

8. Nói về pháp sẵn có:

“Này Đại Tuệ! Thí như có người đi ở chỗ hoang vắng... cho đến cũng chẳng phải đã nói, cũng chẳng phải sẽ nói”. Cũng như con đường hướng đến ngôi thành cổ xưa nay sẵn có, không phải do sĩ phu đi mới có. Đây là dụ cho chân như pháp giới xưa nay sẵn có, không phải do Như lai nói mới có, để nói là không nói.

“Khi ấy, Đức Thế Tôn nói lại bài kệ rằng:

*Ta đêm ấy thành đạo,
Đến đêm ấy Niết-bàn, Ở
trong khoảng giữa ấy,
Ta đều không nói”:*

Bài tụng trên nói ngày đắc đạo và nhập diệt, trong khoảng giữa ấy thấy đều không có nói.

9. Ba đời không thể nói:

*“Tự chứng pháp bốn trụ,
Nên nói mật ngữ này,
Ta và các Như lai,
Thấy đều không khác nhau”:*

Ở trên nói hai pháp, nên có mật ý ấy, nhưng nói mà đều không nói. Ở đây nói ta và các Đức Phật đồng chứng pháp không lời nói này, cho nên trong ba đời không thể nói. Hễ có lời nói thì đó là thuận theo tâm chúng sinh.

10. Hai thứ chấp có không là lưỡng đối:

“Khi ấy, Đại Bồ-tát Đại Tuệ... cho đến sẽ nói cho ông nghe. Đại Tuệ nói xin vâng”: Nhân ở trên nói ta ở trong đêm ấy thành Chánh giác tức là có, đến đêm ấy nhập Niết-bàn tức là không, cho nên nêu tướng có không để thưa hỏi, giúp cho con và các Bồ-tát biết hai thứ chấp có không là lưỡng đối, mà tu hành đúng như thật, mau chứng Bồ-đề.

“Phật bảo Nay Đại Tuệ! Chúng sinh ở thế gian... cho đến rơi vào hai kiến chấp, cho nên chẳng ra khỏi mà nghĩ là ra khỏi”: Hai thứ chấp có không chẳng thể ra khỏi thế gian thường tình, chẳng phải pháp xuất ly, chúng sinh thế gian rơi vào kiến chấp này lầm cho là lìa tưởng.

11. Hữu kiến và Vô kiến:

“Thế nào là hữu kiến?... cho đến nói như vậy thì thuộc về thuyết vô nhân”: Tất cả các pháp do nhân duyên sinh khởi, tánh lìa hữu vô. Nếu chấp thật có không rõ do tâm hiện thì nói thế gian vô nhân vô duyên mà sinh các pháp.

“Thế nào là vô kiến? Nghĩa là đã biết có tham, sân, si rồi mà vọng chấp nói không”. Trước cho tham, sân, si là có, sau diệt gọi là không, đó gọi là vô kiến.

12. Người phá hoại Phật pháp:

“Này Đại Tuệ! Nếu kia cho tánh tham, sân, si vọng tưởng là có... cho đến rồi sau lại không nhận gọi đó là hoại”: Như lai dùng hai ý trên hỏi Đại Tuệ: Trong đây nói ai là người phá hoại Phật pháp! Nhưng Đại Tuệ bạch Phật! Nhận lầm tánh tham, sân, si là có, về sau chấp là không, gọi đó là người phá hoại Phật pháp.

“Phật bảo Nay Đại Tuệ! Ông hiểu như thế, lành thay! Lành thay... cho đến Thế tánh chẳng phải khác, chẳng phải không khác”. Như lai khen ngợi Đại Tuệ đã hiểu biết. Nói người này chẳng dứt sự lầm lẫn cho rằng tham, sân, si là có tánh, về sau bỏ gọi là vô, gọi người hoại Phật pháp, cũng hoại bậc Thánh ba thừa. Nghĩa là vốn cho tham, sân, si là có, về sau bỏ tham, sân, si gọi là vô, được thành quả chánh. Vì sao? Vì đó là người phá hoại Phật pháp, phiền não trong ngoài không thật có, thể tánh chẳng phải khác, chẳng phải không khác. Trong là thân, ngoài là trần. Nói trong thân ngoài trần vọng tưởng không thật thì chẳng có người thật có. Con người còn không thì phiền não tham, sân, si do đâu mà có, lìa tánh bốn câu, cho nên biết vọng chấp có người dứt phiền não được quả Thánh, đó là người phá hoại Phật pháp.

13. Phiền não và chúng sanh đều không thật:

“Này Đại Tuệ! Tánh tham sân si hoặc trong hoặc ngoài... cho đến không có năng phược và nhân phược”. Nói tham, sân, si không ở trong, không ở ngoài cho nên chẳng thật có, vốn không có thể tánh cho nên không thể chấp lấy. Bậc Thánh ba thừa biết đó là luống dối, tức là tự tánh giải thoát, chẳng phải do dứt bỏ tham, sân, si mới được giải thoát. Nếu dứt bỏ được giải thoát thì có tác pháp, không thể lâu dài. Trói buộc là phiền não, nhân trói buộc là chúng sinh. Đức Phật biết phiền não, và

chúng sinh không thật, tức là không có người dứt phiền não được giải thoát.

14. Nói về tự tánh giải thoát:

“Này Đại Tuệ! Nếu có người bị trói buộc và nhân trói buộc... cho đến chẳng khởi chấp không, hoại tăng thượng mạn”: Chỗ trói buộc cũng là chúng sinh. Như sắt bị sét mà tự hỏng hình dáng sắt. Nay quán chúng sinh không, cho nên không có nhân trói buộc, cũng không có phiền não gọi là năng phược, năng phược đã không, sở phược cũng không. Đây là giải thích lại tự tánh giải thoát. Nếu như trên nói cho tham, sân, si là có, sau khi bỏ gọi là vô thì gọi đó phá hữu vi vô tướng, rơi vào đoạn diệt chấp không, cho nên phá hữu gọi là không, chẳng phải chân không, kể ngu cho đó là chân không, cho nên ta nương vào nghĩa này thường bí mật nói: Thà khởi chấp nhân ngã là có bằng núi Tu-di, chứ chẳng nên chấp không, có tâm tăng thượng mạn. Nghĩa là phá hữu vi, đều là chân không, kể ngu cho đó là chân không, chưa đắc mà cho là đắc, đó gọi là tăng thượng mạn.

“Nếu khởi chấp này gọi là hoại... cho đến lìa tướng văn tự cũng thành hoại”: Nói rơi vào vọng tướng tự tướng, cộng tướng, không rõ tự tâm hiện lượng, chấp có chấp không, cho đến phân biệt luống dối, lìa pháp văn tự, cũng thành hoại, đó gọi là người phá hoại Phật pháp.

15. Phật nói kệ:

“Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn lại nói kệ rằng: Có không là hai bên... cho đến tâm sở hành, dứt sạch sở hành kia, tâm bình đẳng vắng lặng”: Đây là nói dứt sạch hữu vô, và cảnh giới vọng sở hành, thì được tâm bình đẳng vắng lặng.

*“Không chấp đắm cảnh giới,
Chẳng diệt, không thật có,
Có vật màu chân như,
Như sở hành các Thánh”.*

Nói biết tánh cảnh giới tham ái, luống dối không nên chấp, tức là thể tánh vắng lặng, chẳng phải diệt không còn gì cả mới gọi là vắng lặng. Vì ngoài tâm không có vật, có vật đều như như, như cảnh giới Thánh hiền.

*“Vốn vô mà có sinh,
Sinh rồi thì lại diệt,
Nhân duyên và hữu vô,
Kia chẳng trụ pháp ta”:*

Bài tụng trên chấp sinh diệt, hữu vô, không trụ trong pháp giới

thật tướng của Như lai.

*“Chẳng ngoại đạo chẳng Phật,
Chẳng ngã chẳng chúng khác,
Năng dùng duyên thành có,
Làm sao mà không được”:*

Phật dạy sinh pháp chẳng phải ngoại đạo làm được, lại chẳng phải Phật làm, chẳng phải thần ngã làm, cũng chẳng phải hạt cát bụi tự tại thế tánh khác... làm, chỉ từ vọng tưởng sinh. Đã từ vọng tưởng nhóm họp mới được sinh khởi, tức là không có tự thể. Vì không có tự thể, tức là nói không thể sinh pháp này. Pháp sinh vốn không, đâu cần lại không!

*“Ai do duyên thành có,
Mà lại nói rằng không?
Ác kiến nói là sinh,
Vọng tưởng chấp có không”*

Đây nói trong bốn đại năm uẩn đều không chủ thể, thì ai nhóm họp mà nói là nhân duyên có sinh. Có đã không có, sao lại nói là pháp hữu gọi là vô được? Rõ ràng do tà kiến ngoại đạo mà nói có sinh pháp. Vì vọng tưởng nên chấp có không.

*“Nếu biết không chỗ sinh,
Cũng lại không chỗ diệt,
Quán thế gian vắng lặng,
Có không hai đều lia”.*

Phải biết trong nhân duyên vốn vô sinh, về sau cũng chẳng phải diệt, quán thế gian vắng lặng, tức không có hai chấp hữu vô.

16. Nêu Như lai tự tông để thưa hỏi:

“Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ... cho đến ta sẽ nói cho ông nghe. Đại Tuệ nói xin vâng”: Vì ở trên nói có không là tông ngoại đạo, cho nên nêu Như lai tự tông để thưa hỏi.

“Phật bảo Nay Đại Tuệ! Tất cả người hai thừa... cho đến đó là pháp tướng tông thú, pháp tướng lời nói”: Tự giác quán sát, biết sinh tử không thật như hoa đốm trong hư không. Chứng cảnh giới thật tướng gọi là tông thú pháp tướng. Giảng nói cho người nghe pháp không thật này, khiến lý như thật ngộ tu chứng nhập, gọi là pháp tướng lời nói. Hai thứ tông pháp tướng này, bản khác nói là Tông thông và thuyết tông.

“Pháp tướng Tông thú nghĩa là tự sở chứng... cho đến đó gọi là Tông thú pháp tướng”: Ý nói tự giác Thánh trí chứng thật pháp, xa lìa văn tự lời nói luống dối phân biệt, nhập cõi chân tịnh, thành tựu Như lai tự giác địa hành, vượt qua các vọng tưởng tư giác của thế gian, chế phục

ngoại ma, ánh sáng chiếu soi. Đây là cảnh giới nội tâm của Như lai, vốn không sinh diệt, gọi là tông thú pháp tướng.

17. Tổng kết khuyên Bồ-tát nên tu học:

“Lời nói pháp tướng... cho đến ông và các vị Bồ-tát phải nên tu học. Kinh gồm Đại thừa, Tiểu thừa có mười hai bộ. Nay nói chín bộ, như kinh Niết-bàn quyển ba chép: Hộ trì người tu Đại thừa, thọ trì chín bộ. Kinh pháp Hoa quyển một chép: Chín bộ pháp này ta thuận theo chúng sinh mà nói: Luận Du-già v.v... chép: Thanh văn tạng không có Phương Quảng, nhưng các kinh luận y theo nhất tướng, cho nên nói như vậy. Nếu nói như thật thì Đại thừa, Tiểu thừa đều đủ, như trong kinh Thâm Mật, Bồ-tát nương mười hai phần giáo tu thiền định. Luận Du-già quyển hai mươi mốt chép: Phật vì hàng Thanh văn giảng nói đầy đủ mười hai phần giáo, nhưng Kinh Niết-bàn nói Đại thừa chỉ có chín, vì nương ba bộ của Tiểu thừa cho rằng trong nhân duyên do việc mà chế giới, ở trong thí dụ nương đó mà dắt dẫn, trong luận nghị y theo bất liễu nghĩa. Chín bộ Tiểu thừa trong Pháp Hoa là ba tướng của Đại thừa, trong phần thọ ký được thọ ký thành Phật. Trong phần tự thuyết nương người bạn không mời. Trong phần Phương Quảng nương sự lợi ích an vui rộng lớn. Chánh pháp kia rộng trình bày chung Đại thừa, Tiểu thừa. Nay đây đã nói tất cả người hai thừa và các Bồ-tát có hai thứ tông pháp tướng, thời hội quyền hướng thật, cũng bao gồm hai nghĩa của Pháp Hoa và Niết-bàn. Cho nên nói các giáo pháp trong chín bộ lia bốn câu kiến tướng một khác, hữu vô, dứt thường... phương tiện khéo léo thuận theo chúng sinh giúp được độ thoát. Vì vậy cho nên gọi là pháp tướng lời nói. Tổng kết khuyên Bồ-tát phải nên tu học.

18. Đức Phật nói kệ:

“Khi ấy, Đức Thế Tôn lại nói kệ rằng:

*Tông thú và lời nói,
Tự chứng và giáo pháp,
Nếu khéo hiểu biết được,
Chẳng hiểu theo người khác tướng”.*

Bài kệ này lược nêu giải thích hai nghĩa tông và thuyết. Nếu khéo thông đạt thì không rơi vào vọng tưởng phàm phu.

“Như kẻ ngu phân biệt, chẳng có tướng chân thật, kia há không cầu độ, không có pháp nào thật”: Nói tông thú của Phật, không như người ngu vọng phân biệt cho là có tánh chân thật, làm sao không khởi vọng được ư! Nếu biết các pháp chẳng có thật tánh, không thật có, tức là tông thú giải thoát của Như lai.

*“Quán sát các hữu vi,
Sinh diệt thấy tiếp nối,
Thêm lớn hai chấp này,
Điên đảo không hiểu biết”.*

Đây nói đối với sinh diệt vọng chấp có thật thêm lớn và hai kiến chấp hữu vô, kể ngu điên đảo này không có chánh tri kiến.

*“Niết-bàn là tâm ý,
Chỉ một pháp thật này,
Quán đời đều luống dối, Như
mộng huyễn cây chuối”.*

Nói là tâm thức tức là Niết-bàn, chỉ một Như này là chân thật. Trên đã nói tông thú của Như lai, nói Như lai có tự tông thông, cho nên biết pháp thế gian luống dối đều như mộng huyễn.

“Không có tham, sân, si, cũng lại không có người, từ ái sinh các uẩn, chỗ thấy như huyễn mộng”. Một bài tụng này câu trên về nói năng. Phật nói tuy có tham, sân, si, đều là luống dối mà thấy, thật không có người, từ ái mà vọng sinh ra năm ấm, chấp năm ấm này là có, như điều thấy trong mộng.

19. Thưa hỏi Phật về tướng luống dối phân biệt:

“Lúc ấy Bồ-tát Đại Tuệ... cho đến xin nói cho con nghe tướng luống dối phân biệt”. Do tông thú ở trên nói. Quán sát đời luống dối, như mộng huyễn, cây chuối, cho nên lại nêu tướng vọng phân biệt luống dối để thưa hỏi.

“Tướng luống dối phân biệt này vì sao mà sinh?... cho đến vì thế gọi là luống dối phân biệt”. Ở trên hỏi chung về tướng sở hành của vọng tướng phân biệt. Đây là nhắc lại riêng, nghĩa lại có năm: 1. Hỏi tướng phân biệt nhờ đâu mà sinh? 2. Hỏi tướng phân biệt sinh ở chỗ nào? 3. Hỏi nhân của phân biệt luống dối? 4. Hỏi thể của tướng vọng tướng là gì? 5. Hỏi tên của phân biệt luống dối.

20. Phật đáp về tướng luống dối phân biệt:

“Phật bảo Đại Tuệ! Lành thay! Lành thay!... cho đến sẽ nói cho ông nghe. Đại Tuệ nói xin vâng”. Tất cả dị sinh trôi lăn trong sinh tử đều do một niệm vọng tưởng làm duyên, cho nên Đại Tuệ do đó hỏi nghĩa này, thật vì làm lợi ích an vui cho chúng sinh: Nhưng vọng tưởng không thật, tuy vốn vô tánh nhưng từ vô thỉ đến nay ác tập huân xông, từ rất ráo không thành rất ráo có mà chúng sinh không hiểu biết, cần phải nhờ phương tiện lắng nghe suy nghĩ quán sát, ngộ kia vô tánh vốn vô sinh diệt, chẳng khởi vọng tưởng phân biệt có không, mới có thể

chứng nhập được cảnh giới Như lai. Nói lắng nghe ấy là văn tuệ, khéo suy nghĩ là tư tuệ, niệm là tu tuệ. Khi Đức Phật sắp Niết-bàn cuối cùng phó chúc: Nên vâng theo bốn pháp thì sẽ chứng Niết-bàn:

1. Nương tựa gần gũi thiện tri thức.
2. Lắng nghe chánh pháp.
3. Suy nghĩ nghĩa kia.
4. Tu hành đúng như thật.

Các kinh thì vô lượng mà hành môn thì khác nhau nhưng đều có thể chứng nhập. Chỉ cần gồm thấu tất cả các hành của viên môn này, thường khiến cho, lắng nghe hiểu rõ giáo nghĩa khéo suy nghĩ nhớ lấy.

“Phật bảo Nay Đại Tuệ! Tất cả chúng sinh... cho đến cho nên gọi là luống dối phân biệt”. Nói về các cảnh giới sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp của các chúng sinh là cảnh giới không thật là đáp ở trên hỏi, hành tướng của phân biệt luống dối không thể biết rõ tự tâm sở hiện là đáp ở trên hỏi vọng tưởng vì sao sinh ra, chấp đắm năng, sở luống dối khởi các phân biệt là đáp ở trên hỏi vọng tưởng từ chỗ nào sinh! Tùy chấp hữu vô mà thêm lớn thói quen vọng chấp của ngoại đạo là đáp ở trên hỏi về sở nhân của vọng tưởng! Khi tâm, tâm sở tương ứng khởi chấp có các nghĩa bên ngoài có thể được là đáp ở trên hỏi về thể vọng tưởng là gì! Chấp đắm ngã và ngã sở nên gọi là vọng tưởng phân biệt là đáp ở trên hỏi về tên các vọng tưởng. Nói pháp tâm, tâm sở, nghĩa là tám thứ thức tâm vương, sáu vị tâm sở, khi tương ứng khởi thì chấp có các pháp như sắc... là thật có. Các nghĩa như trong văn có nói.

21. Bô-tát Đại tuệ hỏi về sự thiết lập:

“Đại Tuệ bạch rằng: Nếu thế thì tánh của các nghĩa bên ngoài là các tướng chấp của lỗi hữu vô”. Đoạn dưới đây Đại Tuệ nêu lên thể tục Đệ nhất nghĩa hai đế để nói về sự thiết lập. “Như vậy” là chỉ lời Thế Tôn đáp ở trên. Nói là nếu như vậy. Điều Thế Tôn thấy các nghĩa bên ngoài rơi vào tướng hữu vô, tức là tánh lìa hữu vô, vượt ngoài tướng chấp bốn câu.

22. Nói về nghĩa đế bậc nhất:

Bạch Đức “Thế Tôn! Đệ nhất nghĩa đế cũng giống như vậy, là lượng, tông, nhân, thí dụ của các căn”: Nói Đệ nhất nghĩa đế, cũng như thế đế rơi vào bốn câu hữu vô, tức là lìa hữu vô bốn câu. Là lượng, tông, nhân, thí dụ của các căn, nghĩa là Đệ nhất nghĩa lìa vọng tưởng các căn và ba thứ lượng, năm phần luận, tướng tông, nhân, thí dụ.

Bạch Đức “Thế Tôn! Vì sao các nghĩa... cho đến có chỗ nói khởi một thì không nói”: Đây là nói vì sao Đức Thế Tôn nghiêng về thế đế

lìa chỗ hữu vô mà nói khởi phân biệt, còn về Đệ nhất nghĩa lìa chỗ hữu vô thì không nói khởi phân biệt ư, cho nên biết lời Thế Tôn nói trái lý, đã đồng lìa hữu vô vì sao có một chỗ nói khởi, một chỗ không khởi.

23. Tà kiến điên đảo của thế gian:

“Thế tôn lại nói luống dối phân biệt... cho đến lời nói này đâu không rơi vào kiến chấp thế gian ư?” Lại nói vọng tưởng phân biệt rơi vào kiến chấp hữu vô, như huyền chẳng phải thật, cũng lìa tướng có không, vì sao lại nói rơi vào hai thứ tà kiến! Đây là tà kiến điên đảo của thế gian.

“Phật bảo Nay Đại Tuệ! Vọng tưởng bất sinh bất diệt... cho đến hiểu rõ tự tâm hiện ra”. Phật bảo Nay Đại Tuệ! Ta chẳng nói chỗ Thế đế sinh vọng tưởng, Đệ nhất nghĩa xứ diệt vọng tưởng, cho nên nói vọng tưởng bất sinh bất diệt, kế đoạn dưới nêu lên giải thích, lời văn rất dễ hiểu.

24. Xả bỏ năm pháp tự tánh, các kiến chấp phân biệt:

“Chỉ vì người ngu phân biệt tự tâm... cho đến xả bỏ năm pháp tự tánh, các kiến chấp phân biệt”: Các cảnh giới không thật nói ở trước sinh vọng tưởng phân biệt, vì những người ngu phân biệt tất cả các pháp của tự tâm, chấp các tướng cho là thật, giúp cho họ hiểu những việc thấy đó đều do tâm hiện, được lìa các nhân duyên ác như ngã, ngã sở, v.v..., giác tự vọng tưởng tâm lượng, chuyển tâm ý thức, hiểu rõ các địa, nhập cảnh giới Như lai, xả bỏ năm pháp, ba tự tánh v.v... đối với các vọng chấp Sa-môn.

“Cho nên ta nói luống dối phân biệt... cho đến biết rõ như thật thì được giải thoát”: Do nhân duyên kẻ ngu vọng tưởng, ta nói sinh các thứ chấp luống dối phân biệt. Nếu biết được nghĩa như thật thì được giải thoát, dứt các vọng tưởng.

25. Phật nói kệ:

“Khi ấy, Đức Thế Tôn lại nói kệ rằng: Các nhân cùng với duyên, từ đây sinh thế gian, tương ứng với bốn câu, không biết rõ ngã pháp”. Nói thế gian từ nhân duyên sinh, kẻ ngu không hiểu nhân duyên tánh lìa, khởi chấp tứ cú, không biết Như lai thông đạt từ duyên sinh, đó gọi là pháp vô sinh.

“Thế chẳng hữu vô sinh, cũng chẳng câu bất câu, vì sao những người ngu, phân biệt nhân duyên sinh”: Nghĩa là thế gian chẳng tương ứng với bốn câu. Tại sao kẻ ngu vọng tưởng phân biệt, pháp trong nhân duyên có sinh.

“Chẳng có cũng chẳng không, cũng lại chẳng có không, như vậy

quán thế gian, tâm chuyển chứng vô ngã”: Nói trong nhân duyên không sinh, lia bốn câu, quán được như vậy thì vọng tâm dần dứt, đặc pháp vô ngã.

“Tất cả pháp bất sinh, do từ duyên sinh ra, do các duyên tạo tác, pháp sở tác chẳng sanh”. Nói từ nhân duyên sinh là không có tự thể, biết tất cả pháp vô sinh. Đã từ duyên tạo tác, chẳng phải tự có sinh, tức nói về vô.

“Quả không tự sinh quả, vì có lỗi hai quả, vì không có hai quả, chẳng có tánh thật có”: Như cái bình lại tự sinh bình, thì có lỗi hai quả năng sinh sở sinh. Đã không có hai lỗi, thì tánh vô sinh thật có. Trên đây trong các bài tụng nói kẻ ngu chấp đắm đối với các pháp không thật, từ nhân duyên sinh, khởi phân biệt có không. Trong đây phá các pháp nhân duyên sinh, lia chấp vọng tưởng có không bốn câu.

“Quán các pháp hữu vi, lia năng duyên sở duyên, quyết định chỉ là tâm, nên ta nói tâm lượng”: Nói vọng tưởng niệm lự gọi là năng duyên. Cảnh giới sáu trần gọi là sở duyên, nói quán pháp hữu vi là luống dối, lia năng duyên sở duyên, quyết định chỉ là nghĩa tâm bậc nhất, cho nên ta cũng gọi là tâm lượng. Có bản nói là tâm lượng của vô tâm, ta nói là tâm lượng.

“Chỗ tự tánh của lượng, duyên và pháp đều lia, việc rốt ráo diệu tịnh, ta gọi là tâm lượng”. Nói chỗ tự thể của lượng, nhân duyên và pháp cả hai đều lia, rốt ráo thanh tịnh diệu viên chân thật, đều là pháp môn đối trị, cũng nói là tâm lượng.

“Lập bày ngã giả danh, thật ra không thật có... cho đến người tu hành quán sát”: Là nói ba cõi luống dối, ngã và các pháp đều không thật. Nói có bốn thứ bình đẳng: tướng hữu vi vô thường bình đẳng, nhân hữu lậu khổ bình đẳng, pháp sở sinh đều không, chẳng thật và vô ngã bình đẳng, là bốn thứ bình đẳng. Những người tu hành phải siêng năng quán sát.

“Lìa tất cả các chấp, và năng sở phân biệt, vô đặc cũng vô sinh, ta nói là tâm lượng”. Nói người tu hành quán bốn thứ bình đẳng, lia bỏ được các chấp, năng sở phân biệt, vô sinh vô đặc. Đây là nói đối đãi, cũng là tâm lượng.

“Chẳng có cũng chẳng không, có không thấy đều lia, tâm như vậy cũng lia, ta nói là tâm lượng”: Nghĩa là lia hữu vô bốn câu, tâm lia như vậy cũng lại lia, cũng chưa thoát tâm lượng.

“Mé chân như không thật, Niết-bàn và pháp giới, các thứ thân ý thành, ta nói là tâm lượng”. Đối với biến dị mà nói chân như. Đối có nói

không, đối vọng nói mé thật, đối sinh tử nói Niết-bàn, đối sáu đường nói pháp giới, đối năm ấm nói thân ý thành. Đây đều là pháp môn đối trị. Nếu tâm lời chấp đắm có chỗ đặc đều là tâm lượng. Cho nên kinh Đại Bát-nhã chép: Nếu có một pháp nào hơn cả Niết-bàn thì ta cũng nói là như huyễn, như mộng, vì Niết-bàn vô tướng, nếu chấp ở tướng tức là tâm lượng, chẳng phải Niết-bàn chân thật.

“Thói quen vọng tưởng buộc, các thứ từ tâm sinh... cho đến ta nói là tâm lượng”: Đây nói cảnh giới sáu đường sinh tử, y báo chánh báo, là tâm lượng vọng tưởng của thế tục. Như Đại Tuệ nói Đệ nhất nghĩa đế cũng giống như vậy. Là các căn lượng, tông, nhân, thí dụ, nghĩa là đối với tâm lượng thế đế mà nói lượng Đệ nhất nghĩa. Lượng Đệ nhất nghĩa cũng đều là đối trị mà nói. Cho nên kinh Lăng-nghiêm chép: Nói vọng hiển các chân, vọng chân hai đều vọng, vẫn chẳng chân chẳng chân, làm sao kiến sở kiến, đều dứt bật tình kiến đối đãi, chân tục, muốn giúp cho như thật chứng nhập.

26. Bồ-tát Đại Tuệ hỏi về ngữ nghĩa:

“Khi ấy, Đại Bồ-tát Đại Tuệ bạch Phật rằng... cho đến thế nào là ngữ? Thế nào là nghĩa?” Vì ở trên nói biết rõ như thật thì được giải thoát, cho nên nêu lên Bồ-tát sẽ nương vào nghĩa, chẳng chấp lời nói, mà hỏi thế nào là ngữ, là nghĩa.

“Phật bảo Nay Đại Tuệ! Lắng nghe, ta sẽ nói cho ông nghe... cho đến tương đối bàn nói, đó gọi là ngữ”: Nói thói quen vọng tưởng làm nhân, cổ họng môi lưỡi răng nướu cảm má làm duyên, phát ra các âm thanh văn tự bàn nói, cho nên gọi là ngữ.

Thế nào là nghĩa? Đại Bồ-tát, v.v... cho đến các thứ hành tướng đó gọi là nghĩa”: Ở đây nói về thật nghĩa, là Đại Bồ-tát ở chỗ vắng lặng dùng chánh niệm quán sát thấy người pháp đều không, hướng đến thành Niết-bàn, cảnh giới tự giác, dứt các vọng tập, thực hành các địa, thăng tiến hành tướng, đến Như lai địa, chứng được pháp thật, nên gọi là nghĩa.

27. Nhập nghĩa thật tự chứng là lời nói:

“Lại nữa, Nay Đại Tuệ! Đại Bồ-tát... cho đến nhập vào cảnh giới tự chứng là lời nói”. Đây nói các Đại Bồ-tát giỏi về ngữ nghĩa, thông hiểu chẳng phải một khác, như đèn chiếu sắc mà sắc, chẳng phải đèn, nghĩa là do đèn mà thấy sắc, không được nói khác, mà sắc chẳng phải đèn, cho nên không được nói một. Dùng thí dụ nhờ ngữ mà nhập nghĩa, không được nói khác, mà nghĩa chẳng phải ngữ cho nên không được nói một. Cho nên nói nhờ ngữ mà nói đèn, nhập vào nghĩa thật tự chứng là

lời nói.

“Lại nữa, Đại Tuệ, nếu có người đối với bất sinh bất diệt... cho đến kẻ ngu chấp chẳng phải Thánh hiền”. Đây là nói nếu có người đối với các pháp nhiệm tịnh, như bất sinh bất diệt v.v... Như nói chấp nghĩa, chấp lời nói và nghĩa là một gọi là dựng lập, chấp lời nói và nghĩa là khác gọi là chê bai. Nói khác là đối với kia mà khởi phân biệt, giải thích thành chấp khác, thí như thấy các thứ huyễn mà chấp cho là thật, đó là kiến giải luống dối của kẻ ngu chẳng phải Thánh hiền. Giải thích thành chấp một.

28. Đức Thế tôn nói kệ:

“Lúc ấy, Đức Thế Tôn lại nói kệ rằng: Lời nói vọng tưởng kia, dựng lập ra các pháp, bởi do kia dựng lập, chết rơi vào địa ngục”. Nói các kẻ ngu theo ngôn chấp nghĩa lập ra các pháp. Do chấp có pháp nên không khởi rơi vào đường ác, chê bai cũng như vậy.

“Trong uẩn không có ngã, uẩn chẳng phải tức ngã, chẳng như phân biệt kia, cũng lại chẳng hữu vô”. Trong ấm không có ngã, để so sánh với trong lời nói không có nghĩa. Chẳng phải uẩn tức là ngã, để so sánh lời nói chẳng phải tức là nghĩa. Nói nghĩa chân thật không bằng người ngu kia vọng tưởng lập ra, cũng chẳng phải vô minh lìa hữu vô.

“Như người ngu phân biệt, tất cả đều có tánh, nếu như kia đã thấy, thấy tất cả chân thật”. Nói nếu như người ngu kia kiến chấp phân biệt, tất cả nghĩa lời nói đều có thật tánh, thì tất cả kẻ phàm ngu đều tức là người thấy được chân đế, nên gọi là Thánh hiền.

“Tất cả pháp tịnh uế, thấy đều vô thể tánh, chẳng thật như kia thấy, cũng chẳng không thật có”. Vì kẻ ngu kia không thể thấy chân đế, các pháp nhiệm tịnh mà phàm ngu thấy đều không có tự tánh, cho nên nói chẳng thật như kia thấy, cũng chẳng không thật có. Nghĩa chân thật chẳng quan hệ hữu vô, chỉ có bậc Thánh tự giác Thánh trí mới chứng được.

29. Nói về tướng trí thức:

1. Nói về trí: “Lại nữa Đây Đại Tuệ! Ta sẽ cho nói ông nghe... cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”. Đức Như lai nhân ở trên nói Bồ-tát phải khéo biết tướng ngữ nghĩa, muốn biết rõ ngữ là thức, biết nghĩa là trí, cho nên kể là nói về tướng trí thức.

“Này Đại Tuệ! Trí có ba thứ, đó là trí thế gian... cho đến chấp pháp hữu vô”: Nói chấp đả hữu vô, là trí của phàm phu ngoại đạo tình kiến thế gian.

“Thế nào là trí xuất thế gian? Nghĩa là người hai thừa chấp tự

tướng, cộng tướng”: Người Hai thừa chấp đấm ấm, giới, nhập... tự tướng, cộng tướng, không hiểu pháp không, tu hành dứt sinh tử, hy vọng Niết-bàn, đó là trí xuất thế gian.

“Thế nào là trí xuất thế gian thượng thượng?... cho đến chứng pháp vô ngã, người vô ngã, nhập Như lai địa”: Ở đây nói rõ tự giác Thánh trí, quán tất cả các pháp tự tướng, cộng tướng, vốn không sinh diệt, lìa hữu lìa vô, thấu đạt người vô ngã, pháp vô ngã, chứng nhập Như lai địa, đó gọi là Trí xuất thế gian thượng thượng.

2. *Nói về thức*: “Này Đại Tuệ! Lại có ba thứ trí... cho đến trí biết sinh diệt, trí biết không sinh diệt”: Đây là nói Như lai nhất trí, tùy theo vật mà có khác nhau. Nghĩa là dẫn dắt người Hai thừa, biết tự tướng, cộng tướng, ứng phàm phu biết sinh diệt, giống như Bồ-tát biết không sinh diệt, cho nên lại nói ba thứ.

“Lại nữa, Này Đại Tuệ! Sinh diệt là thức... cho đến lìa tướng, vô tướng và nhân hữu vô là trí”. Nói sinh diệt rơi vào hữu vô và nhân hữu vô đều là thức, vô sinh diệt lìa hữu vô và nhân gọi là trí.

“Có sự chứa nhóm là thức... cho đến không chấp tướng cảnh giới là trí”: Sự chứa nhóm hạt giống khởi hiện hạnh là thức, lại năng huân chứa nhóm hạt giống các pháp gọi là thức.

“Ba hòa hợp tướng ứng sinh là thức... cho đến tướng vô đắc là trí”. Ngã và căn, trần ba việc hòa hợp tướng ứng sinh là thức, không nhờ duyên sinh, không do cảnh mà khởi. Tướng ứng vô ngại, tánh tự thân giải gọi là trí.

“Cảnh giới sở hành chứng tự Thánh trí chẳng ra chẳng vào như trăng đáy nước”: Nói tự Thánh trí giác ngộ các cảnh giới không thật, như trăng đáy nước, cho nên không ra không vào. Lại nói rằng trí tánh vốn sáng suốt, bền chắc chẳng sinh diệt, chỉ vì lìa vọng gọi là sinh, vọng bị che lấp gọi là diệt, như nước đứng yên trăng hiện, nước động ảnh tan biến, nhưng tánh trăng vẫn thường như vậy, vốn không đến đi.

30. Đức Phật nói kệ:

“Khi ấy, Đức Thế Tôn lại nói kệ rằng:

*Gom nhóm nghiệp làm tâm,
Quán sát pháp là trí,
Tuệ năng chứng vô tướng,
Làm sức mạnh tự tại”.*

Gom góp các nghiệp là nhân sinh tử, gọi là tâm thức, quán sát các pháp như mộng huyễn, hình bóng trong gương, không theo phiền não mà gây ra các nghiệp gọi là trí, chứng được pháp thân vô tướng thanh

tình nhiệm mầu oai quang tự tại, đó gọi là tuệ.

“Cảnh giới buộc là tâm, giác tướng sinh là trí, vô tướng và tăng thắng, trí tuệ từ đó sinh”: Nói bị cảnh giới mộng huyền trói buộc gọi là tâm vọng tưởng, hiểu rõ tất cả cảnh giới không thật đều do vọng tưởng sinh, gọi là trí. Vô tướng là Địa thứ tám, và tăng thắng là Như lai địa. Nói trí tuệ Phật từ Địa thứ tám Như lai địa sinh.

“Tâm ý cùng với thức, lia các tướng phân biệt, được pháp vô phân biệt, Phật tử chẳng Thanh văn”: Tâm là tạng thức thứ tám. Ý là thức thứ bảy. Và cùng với thức là sáu thức trước. Cho nên bài kệ dưới nói: Tàng thức gọi là tâm, tánh tư lương gọi ý, rõ được các cảnh tướng, vậy nên gọi là thức. Nói giác tàng thức và các chuyển thức lống đối, không còn phân biệt. Phật tử là Bồ-tát. Nói đặc pháp không vọng tưởng phân biệt tức là Bồ-tát, chẳng phải là Thanh văn.

“Nhẫn vắng lặng cao siêu, trí Như lai thanh tịnh, sinh ra nghĩa thiện thắng, xa lìa các sở hành”: Trong kinh Nhân Vương nói có năm thứ nhẫn: là phục, tín, thuận, vô sinh và vắng lặng, mỗi thứ đều có phẩm thượng, phẩm trung, phẩm hạ. Người Địa tiền đặc phục nhẫn phẩm thứ ba, hàng Cửu địa như thứ lớp phối hợp ba nhẫn kế. Bạc Thập địa, Đẳng giác và Phật đặc vắng lặng nhẫn, cho nên nói nhẫn vắng lặng thù thắng, đó là trí thanh tịnh Như lai. Nói trí thanh tịnh Phật nhẫn từ thắng nghĩa đế sinh cho nên xa lìa tất cả cảnh giới sở hành của tâm thức vọng tưởng.

“Ta có ba thứ trí, bậc Thánh năng chiếu sáng, phân biệt đối các tướng, mở bày tất cả pháp”: Đức Như lai tùy căn cơ nói pháp có ba thứ trí: đó là bậc Thánh chiếu sáng biết các tướng phân biệt không thật, mở bày tất cả, giúp chúng sinh ngộ thật pháp.

“Trí ta lìa các tướng, siêu vượt người hai thừa... cho đến biết rõ chỉ duy tâm”. Nói người hai thừa nhằm chán, sinh tử, cầu Niết-bàn, chấp có các pháp như năm ấm v.v... không thấu đạt duy tâm lượng. Trí Phật thanh tịnh biết rõ tướng ấm, giới, nhập không thật, nên gọi là đạt tâm lượng.

31. Nói về luận thuyết chuyển biến của ngoại đạo:

“Lại nữa, Này Đại Tuệ! Ngoại đạo có chín thứ chuyển biến kiến”: Nhân ở trên nói trong tướng trí thức thì trí ngoại đạo biết sinh diệt, cho nên kế là nói chín thứ sinh diệt chuyển biến của ngoại đạo, nghĩa là hoặc cảnh chuyển tâm biến, hoặc tâm chuyển cảnh biến.

“Cái gọi là hình chuyển biến, tướng chuyển biến... cho đến khởi hữu vô chuyển biến luận”: Y báo, chánh báo hình dáng khác nhau, gọi

là hình chuyển biến. Tướng năm ấm sinh trụ dị diệt, một niệm không trụ, gọi là tướng chuyển biến. Nói vô nhân tà nhân năng sinh các pháp, gọi là nhân chuyển biến. Tâm sinh cảnh khởi năng sở tương ứng, gọi là tương ứng chuyển biến. Chấp hữu vô bốn câu, gọi là kiến chuyển biến. Nói pháp sở sinh từ Minh đế tự tại v.v... sinh ra, gọi là sinh chuyển biến. Các pháp hữu vi diệt, gọi là vật chuyển biến. Duyên năng hiển quả, gọi là duyên minh liễu chuyển biến. Duyên sở tác pháp khác nhau, gọi là sở tác minh liễu chuyển biến. Các ngoại đạo do chín thứ chuyển biến này mà khởi kiến chấp có không, sinh ra luận thuyết chuyển biến.

32. Tướng chuyển biến, chẳng phải tánh chuyển biến:

“Trong đây, hình chuyển biến? Nghĩa là khác chấp khác... cho đến tất cả pháp biến cũng giống như vậy”. Nói đây là hình chuyển biến. Thí như dùng vàng làm ra các vật dụng thì có các thứ hình dạng khác nhau. Nói có chuyển biến, chẳng phải tánh vàng chuyển biến, tất cả các pháp chuyển biến cũng giống như vậy. Chân thể mâu nhiệm sáng tỏ thường trụ không thay đổi, phàm phu ngoại đạo không thể biết điều đó.

“Có các ngoại đạo khác khởi các thứ chấp đấm... cho đến tất cả chuyển biến như thế nên biết”: Nói các ngoại đạo khác, cho đến sở tác minh liễu chuyển biến, các thứ chấp đấm chẳng phải một, chẳng phải khác, chỉ vì vọng tưởng nên tất cả đều chuyển biến như vậy.

33. Nêu ví dụ để làm sáng tỏ:

“Thí như sữa, lạc, rượu, quả v.v... đã chín... cho đến tự tâm hiện ra không phải vật bên ngoài”: Ngoại đạo vọng chấp tất cả tánh chuyển biến, chẳng phải một chẳng phải khác, thí như sữa, lạc, rượu, quả... đã chín. Từ sữa được lạc, không được nói là khác, hơi và mùi vị khác nhau, không thể nói một, kia thật không có pháp hữu vô để chuyển biến. Nói pháp hữu vô là tự tâm vọng hiện, tánh bên ngoài không thật.

“Như thế đều là phàm ngu ngu mê... cho đến con của gái bất dục nói có sinh tử”: Đây là lời tổng kết đều do phàm ngu vọng tưởng thói quen nói có chuyển biến, như mộng huyện thấy sắc, gái bất dục sinh con, vốn không thật có, đâu được nói có sinh diệt chuyển biến.

34. Đức Phật nói kệ:

“Khi ấy, Đức Thế Tôn lại nói kệ rằng: Hình, xứ, thời, chuyển biến, bốn đại chủng các căn, trung ấm thứ lớp sinh, vọng tưởng chẳng minh trí”. Ngoại đạo nói hình, xứ, thời tiết, bốn đại chủng làm các căn chuyển biến. Người hai thừa chấp có trung ấm dần dần nối nhau sinh ấm, đều là vọng tưởng.

“Các Phật không phân biệt, duyên khởi và thế gian, nhưng các

duyên thế gian, như thành Càn-thát-bà”: Đức Phật biết pháp do nhân duyên khởi là vô sinh, chẳng phải luống dối tướng phân biệt kia, chấp trong nhân duyên có các pháp thế gian chuyển biến. Nhưng thế gian từ duyên khởi, như thành Càn-thát-bà vốn không thật. Cho nên biết dùng trí chiếu thì thế pháp thành Phật pháp, cho nên không phân biệt; dùng tình chấp thì Phật pháp thành thế pháp, cho nên luận chuyển biến, nhất tâm thật bất động, hai kiến chấp tự thành sai, cùng đồng trong một pháp, mà thành phàm Thánh riêng.

35. Bồ-tát Đại Tuệ hỏi Phật về nghĩa chấp đấm thâm mật và nghĩa giải thoát:

“Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ... cho đến nghĩa thâm mật và tướng giải thoát”. Đại Tuệ do bài kệ trên nói đại chủng và các căn, trung ấm thứ lớp sinh, tức là nghĩa chấp đấm của thâm mật. Đã có chấp mật thì lẽ ra cũng có dứt, vì chấp mật được giải thoát. Ở đây nêu nghĩa chấp đấm thâm mật trái với nghĩa giải thoát để thưa hỏi? Bốn khác nói nghĩa tất cả pháp nối nhau và nghĩa giải thoát.

“Giúp con và các Bồ-tát... cho đến không chấp đấm lời nói khiến chuyển sở y”: Không có vật tư ích, giống như mặt trời, mặt trăng, ma-ni, nước, lửa v.v... các nghĩa khác như trong kinh có nói, nói biết nghĩa tất cả pháp nối nhau và nghĩa giải thoát không thật, có ích như vậy cho nên thưa hỏi.

36. Chấp đấm các pháp luống dối mà không tự giác:

“Phật bảo Đại Tuệ: Lành thay, lắng nghe, Ta sẽ nói cho ông nghe... cho đến chấp đấm hữu vô, dục lạc bền chắc”: Đây nói tất cả các pháp luống dối không có tự thể, không thể nói năng bậc Thánh phương tiện dắt dẫn chúng sinh, khiến biết không thật, nói năng bằng mọi cách phàm ngu không rõ, chấp đấm lời nói và chấp nghĩa của nó, chấp đấm thâm mật nghĩa là tướng chấp đấm, cho đến chấp đấm của ba thừa, Nhất thừa, các chấp thâm mật này số nhiều vô lượng, đều là chúng sinh ngoại đạo, phàm ngu, tự vọng tưởng chấp, như tầm làm kén tự trói buộc mình. Dùng sự chấp đấm này chuyển dạy người khác, đó gọi là trói buộc người khác, cho nên chấp đấm hữu vô dục lạc bền chắc mà không tự giác.

37. các pháp luống dối tìm thật nghĩa đều không thật có:

“Này Đại Tuệ! Trong đây thật không có tướng mật, chẳng phải mật... cho đến tìm thể tánh kia không thật có”: Đoạn văn kinh trên đều nói chấp đấm. Đây chính nói rõ thật nghĩa của các pháp, cho nên nói trong đây thật không có tướng mật và chẳng phải mật. Nếu chắc chắn

có thì các Đại Bồ-tát không thể thấy các pháp vắng lặng, không có phân biệt. Nếu các ngoại đạo phàm phu hiểu rõ được do tâm hiện vốn không có vật bên ngoài, đều đồng vô tướng, thuận theo quán sát, đối với tất cả các pháp có không đều thấy vắng lặng thì không có tướng trói buộc và chẳng trói buộc. Nhưng đây chẳng phải xưa nay không trói buộc cũng không có mở, không ngộ thật nghĩa các pháp, vọng chấp trói và mở đó thôi. Vì sao? Vì không có trói mở, nghĩa là tất cả phàm tình Thánh lượng các pháp hữu vô thấy đều luống dối, tìm thật nghĩa kia đều không thật có.

“Lại nữa, Nay Đại Tuệ! Phàm phu ngu si... cho đến cho nên không có tướng mật và chẳng phải mật”: Nói có ba độ và ưa quả báo giàu sang đời sau sung sướng, đi chung với tham hỷ, cho nên ba cõi sinh tử nối nhau không dứt.

“Lại nữa, Nay Đại Tuệ! Nếu có chấp đắm... cho đến tất cả các trói buộc thấy đều không sinh”: Nói tâm trói buộc thì tất cả trói buộc, khởi chung với trần lao, cho nên các thức trói buộc nối nhau sinh khởi, tâm cởi mở thì tất cả đều cởi mở, tương ứng với thật tướng, cho nên nói tất cả trói buộc thấy đều bất sinh.

38. Đức Phật nói kệ:

“Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn lại nói kệ rằng: Vọng phân biệt không thật, đó gọi là tướng mật, nếu biết đúng như thật, lưới các mật sẽ rách”: Vì vọng tưởng không thật nên nói có trói buộc. Nếu hiểu rõ chân thật, thì giải thoát còn không, lưới mật làm gì có.

“Phàm ngu không hiểu biết, tùy lời mà chấp nghĩa, như tầm nằm trong kén, nhả tơ mà tự nói”: Đây nói phàm ngu không biết các pháp vô tánh, theo lời mà chấp nghĩa, cho nên vì vọng tưởng mà tự trói buộc mình.

39. Không có trói cũng không có mở:

“Lúc ấy, Đại Tuệ lại bạch Phật... cho đến đây chỉ là vọng chấp”: Nhân ở trên nói đối với tất cả các pháp chấp đắm thâm mật, số ấy nhiều vô lượng, đều là phàm ngu tự phân biệt chấp, buộc mở đều không. Đại Tuệ đem lời vặn hỏi trình bày tóm lược, sợ chúng sinh rơi vào chấp không, cho nên trước hỏi, như Thế tôn nói: Do các tâm phân biệt các pháp, tức Đức Phật dạy ở trên tướng mật chấp có vô lượng thứ, đều do phàm ngu tự phân biệt các văn. Chẳng phải các pháp có tự tánh, nên ở trên Phật dạy tất cả các pháp đều không có thể tánh. Đây chỉ do vọng chấp đó thôi! Dứt trên Phật dạy trong đây không có trói cũng không có mở, do không hiểu thật nghĩa các pháp nên chấp có trói mở!

40. Không có chúng sanh phiền não, không có bậc Thánh giải thoát:

“Bạch Thế tôn! Nếu chỉ có vọng chấp không có các pháp thì các pháp nhiễm tịnh e rằng đều bị hoại?” Ở đây nói định tông chánh thức nêu vấn đề, nếu nói chỉ có vọng tưởng phân biệt, chấp có các thứ buộc mở, mà thật không có các pháp thì không có chúng sanh tạp nhiễm phiền não, cũng không có bậc Thánh thanh tịnh Niết-bàn, e rằng Như lai phá hoại tất cả pháp, rơi vào kiến chấp không ư!

“Phật bảo Này Đại Tuệ! Đúng thế, đúng thế... cho đến đây chỉ có vọng chấp chẳng có tánh tướng”: Ở trên Đại Tuệ hỏi trong đây có hai thứ nạn: 1. Là vấn đề Như lai nói không trói mở, thì không có tất cả các pháp nhiễm tịnh. 2. Vấn đề Như lai rơi vào lỗi chấp không. Phật dạy đúng vậy v.v... là chấp nhận lời vấn đề của Đại Tuệ. Trước đáp lời vấn đề thứ nhất rằng: Đạo lý chân thật thật không có chúng sanh phiền não, cũng không có Niết-bàn thanh tịnh, đây chỉ là luống dối chấp đắm, vốn không có tánh tướng của các pháp.

41. Lìa chấp thì chân tánh tự sáng tỏ:

“Nhưng các bậc Thánh dùng Thánh mắt tuệ như thật thấy biết có tự tánh các pháp”. Đây là đáp lời vấn đề sau. Nói ta không rơi vào chấp không, tất cả bậc Thánh có pháp tự tánh chân thật, chỉ có bậc Thánh dùng Thánh trí mà biết, dùng mắt tuệ mới thấy được, không rơi vào chấp không. Cho nên biết ở trên đã bỏ có nói không, nay lại nêu chân bỏ đoạn, chỉ lìa tình chấp thì chân tánh tự sáng tỏ, cho nên nói tri kiến như thật.

42. Đại Tuệ nêu năm câu hỏi xin Như lai giải thích:

“Đại Tuệ bạch Phật: Nếu các bậc Thánh... cho đến không đồng với sở phân biệt của phàm ngu”. Nhân trên Phật dạy có tự tánh các pháp, không rơi vào chấp không. Đại Tuệ lại muốn vấn đề trình bày tóm lược, trở lại hỏi rằng: Nếu các bậc Thánh dùng Thánh trí rất dễ hiểu, dùng mắt tuệ có thể thấy, có tự tánh chân thật của các pháp, thiên nhãn, nhục nhãn chẳng thể thấy biết, không đồng với kiến chấp phân biệt luống dối của phàm ngu, cho nên Đại Tuệ nhân đây nối tiếp khởi nghi, bày tỏ năm thứ vấn đề mong Như lai giải quyết.

“Làm sao phàm ngu lìa được phân biệt mà không thể giác liễu pháp của các Thánh!” Thứ nhất phàm Thánh mỗi thứ hỏi riêng. Nói ngoại đạo, ngu phu đã không thấy pháp tánh chân thật của bậc Thánh thì làm sao có thể nương chân để bỏ vọng được, cho nên nói không thể như thật hiểu biết các pháp của bậc Thánh.

“Thế tôn! Họ chẳng điên đảo... cho đến chỗ thấy của bậc Thánh xa lìa tướng có không”: Thứ hai là chẳng phải điên đảo, chẳng phải không điên đảo! Cũng không được nói kẻ ngu kia là điên đảo hay chẳng phải không điên đảo. Vì sao chẳng phải điên đảo chẳng phải không điên đảo? Nghĩa là phàm Thánh đã mỗi thứ vấn hỏi riêng, phàm ngu không thấy bậc Thánh lìa pháp hữu vô chân thật. Nếu từng thấy pháp do bậc Thánh thấy lại làm việc thế tục vọng tưởng thì đáng gọi là điên đảo, vì vốn không chân thật nên không thể nói điên đảo, chẳng điên đảo.

“Bậc Thánh cũng chẳng như, sự phân biệt của phàm phu, vì đặc như thế cho nên chẳng lấy cảnh giới tự tướng làm giới tướng”: Thứ ba là nói Thánh đồng phàm điên đảo. Nói các bậc Thánh cũng chẳng như phàm phu phân biệt lưỡng đối có tướng sở đắc là nói chẳng phải Thánh trí tự giác vì chẳng lấy cảnh giới tự tướng làm cảnh giới, cho nên chẳng đồng với phàm ngu được việc như vậy. Nếu thực hành tự cảnh giới, thì chẳng phải vô sở đắc, cũng đồng với phàm phu.

“Kia cũng thấy có tánh tướng các pháp... cho đến rơi vào kiến chấp tánh tướng các pháp”: Đây chính thức lập vấn hỏi. Nói bậc Thánh kia lấy cảnh giới tự tướng làm cảnh giới, cũng có tánh tướng chân thật của các pháp, tức đồng với phàm ngu vọng tưởng chấp tánh mà hiển hiện, nhưng lại không nói nguyên người pháp tánh chân thật, nhân duyên, chẳng phải nhân duyên, vì rơi vào cái thấy tánh tướng của pháp vọng chấp của phàm phu. Đây gọi là bậc Thánh đồng điên đảo như phàm ngu.

“Thế tôn! Các cảnh giới khác không đồng với ở đây... cho đến ai rõ biết được tánh tướng các pháp!”. Đây là lập lại để giải thích thành. Các cảnh giới ấy tức cảnh giới ba cõi của phàm phu. Nói phàm trái với Thánh nên bị lỗi vô cùng, nếu Thánh khác phàm cũng giống như vậy. Hoặc Thánh hoặc phàm thì ai có khả năng hiểu biết như thật tánh tướng chân thật của các pháp.

“Thế tôn! Tánh tướng các pháp không nhân phân biệt... cho đến chỗ thấy pháp tướng không có pháp như vậy”. Thứ tư vấn hỏi phàm cảnh chẳng phải vọng. Nói tánh tướng các pháp tự có, không do phân biệt mà có, vì sao Đức Phật nói do là mà có các pháp? Thế tôn, tâm tướng phân biệt lưỡng đối cảnh tướng các pháp, hai tướng đều khác. Nhân không tương tự, vì sao các pháp do phân biệt mà có. Lại vì việc gì mà nói phàm ngu phân biệt các pháp, mà các pháp tánh chẳng phải có như vậy. Nói vì chúng sinh lìa sự phân biệt. Nói như pháp tướng phân biệt mà thấy, không có thật pháp như vậy. Đây là nói cảnh giới mà

phàm phu thấy, là thật chẳng phải vọng, không do phân biệt mà có để đặt lời vấn hỏi.

“Thế tôn! Vì sao khiến các chúng sinh... cho đến mà nói việc Thánh trí tự tánh”: Thứ năm là vấn hỏi rơi vào chấp có, nói Phật làm thế nào giúp cho các phàm phu lìa kiến chấp hữu vô, mà lại chấp đắm cảnh giới Thánh trí pháp tánh chân thật, rơi vào chấp có. Vì sao không nói không Như lai Tạng, pháp phi tâm hành xứ vắng lặng, mà nói việc Thánh trí sở hành tự tánh chân thật? Đây là rơi vào chấp có. Ở trên Phật lại nói phân biệt pháp tánh chẳng có như vậy, đó là rơi vào chấp không. Đây là vấn hỏi Thánh trí cũng rơi vào hữu vô.

43. Lìa bỏ sự đối lập giữa phàm Thánh, hữu vô:

“Phật bảo Nay Đại Tuệ! Ta chẳng phải không nói... cho đến xa lìa tất cả tất cả các chấp hữu vô”: Là nói Như lai phương tiện nói có Thánh trí tự tánh chân thật, tức không có tướng chân thật để được, dứt bật lượng Thánh phàm, chỉ chứng mới tương ứng. Đáp chung năm vấn hỏi trước, cho nên bảo Đại Tuệ, Ta chẳng phải không nói không pháp lìa kiến vượt tình vắng lặng, rơi vào chấp hữu. Vì sao không rơi vào chấp hữu! Đã nói thật pháp Thánh trí sở chứng, vì không trái với việc chân không tự tánh. Ta vì chúng sinh từ vô thỉ giác, chấp đắm có không, đối với không pháp như thật dùng việc Thánh trí như thật bất không mà nói, giúp cho họ nghe pháp này rồi không sinh sợ sệt đoạn thường, cũng chứng được thật pháp như ta đã chứng, lìa tướng phân biệt hoặc loạn, nhập duy thức chân thật tánh, biết sở kiến ấy không có ngoại pháp riêng, chứng ngộ ba môn giải thoát: không, vô tướng, vô tác. Được pháp ẩn như thật, hiểu rõ cảnh giới của bậc Thánh cho nên lìa tất cả chấp đắm của phàm tình và Thánh lượng hữu và vô.

44. Lý do không được lập tông Bất sinh:

“Lại nữa, Nay Đại Tuệ! Tất cả pháp chẳng sinh... cho đến tướng nhân sinh của tông kia”: Đây nói tất cả pháp tự tánh chân thật vốn bất sinh, không nên lại lập bất sinh tông. Văn có sáu tiết để bác bỏ tình chấp về tông:

1. *Bác bỏ pháp vốn không sinh*: Nói Bồ-tát không nên thành lập tất cả các pháp thấy đều bất sinh là nêu chung để khuyên. Vì sao không nên lập tông bất sinh! Vì tất cả các pháp xưa nay không có và tướng nhân sinh của tông kia xưa nay đều không có nên không được lập tông bất sinh.

“Lại nữa, Nay Đại Tuệ! Tất cả các pháp bất sinh..., cho đến tông kia có đối đãi mà sinh”.

2. *Bác bỏ pháp do nhân đối đãi sinh*: Đây nói nếu lập tông bất sinh thì tự hoại nghĩa bất sinh. Lại, nêu vì sao tự hoại nghĩa bất sinh? Vì tông bất sinh sở lập kia, chủ yếu là do pháp đối đãi mà sinh. Nói bất sinh tông, nếu bất sinh nhân người khác sinh pháp mà nói thì tức là tự hoại nghĩa bất sinh. Cho nên trong luận nói nếu pháp do đối đãi mà thành, thì pháp ấy lại thành đối đãi.

45. Tướng bất sinh cũng bất sinh:

“Lại tông bất sinh ấy được xếp vào tất cả pháp, vì tướng bất sinh cũng bất sinh”.

3. *Phá vặn hỏi đồng với các pháp*: Lại tông bất sinh kia, được xếp vào trong tất cả pháp số. Tất cả pháp ấy, tức là pháp thế gian, xuất thế gian, sinh, bất sinh, các pháp hữu vô, một khác, thường phi thường. Nếu lập bất sinh tông, thì xếp vào tất cả pháp số. Nói tướng tất cả pháp bất sinh vốn cũng bất sinh, cho nên không đối đãi mà lập.

“Lại tông kia do các phần mà thành... cho đến tướng hữu vô cũng bất sinh”.

4. *Bác bỏ giả năm phần thành rơi vào có không*: Kia lập tông bất sinh, phải nhờ vào nhân thí dụ hợp kết năm phần mà thành, vì thế không nên lập. Lại, kia không sinh tông, đối với pháp hữu vô mà lập đều không đúng, tông này tức nhập vào tất cả pháp số, tánh tướng hữu vô vốn cũng bất sinh, chỗ nào mà lập tông bất sinh cho được.

Cho nên tất cả pháp bất sinh... cho đến vì lần lượt làm nhân tướng khác:

5. *Bác bỏ lập tông nhiều lỗi*: Cho nên nếu lập tông tất cả pháp bất sinh, tức là tự hoại nghĩa bất sinh. Kiết thúc khuyên không nên lập tông như vậy. Vì năm phần luận thành nhiều lỗi. Ý nói vì thể tánh vốn bất sinh, lại lập tông bất sinh, cho nên là nhân xoay vần. Tướng khác là tất cả pháp thể tánh bất sinh, khác với tông bất sinh.

46. Các pháp không có tự tánh, chẳng nên lập tông:

“Như bất sinh tất cả pháp, không vô tự tánh cũng giống như thế”.

6. *Bác bỏ y theo nhau làm phép tắc so sánh*: Nói nếu bất sinh đã như vậy, tất cả pháp không, vô tự tánh, không nên lập tông, cũng giống như vậy.

Này Đại Tuệ! Đại Bồ-tát... cho đến mà kinh sợ xa lìa Đại thừa: Ở trên phá chung không nên lập tông. Đây nói Bồ-tát nên nói tất cả pháp, thể đồng mộng huyễn, tánh lìa hữu vô. Như huyễn mộng hiện, nên sinh không thành sinh. Huyễn mộng không hiện, nên không sinh

không thành bất sinh. Trong thành không có nhân lập tông, không được nói sinh, bất sinh. Cho nên nói như huyền như mộng, dù thấy hay không thấy nhưng tất cả pháp đều là tướng vọng tưởng hoặc loạn. Nếu nói sinh, bất sinh, thì phạm ngu ngu si phần nhiều rơi vào hữu vô, mà sinh sợ hãi. Nếu nói như huyền như mộng, hai thứ tình chấp tự bỏ, kiết hợp với trước nói có tự tánh chân thật, lia hữu lia vô, nên ngộ nhập như thế tức là khế hợp với Đại thừa.

47. Đức Phật nói kệ:

“Khi ấy, Đức Thế Tôn lại nói kệ rằng: Vô tự tánh không nói, chẳng sự chẳng chỗ nương, phạm ngu vọng phân biệt, ác giác như thân chết”. Nói tất cả pháp vô tự tánh tướng, cũng không lời nói, hoặc sự hoặc lý, tâm năng y, chỗ sở y đều không, nhưng kẻ ngu này vọng tưởng ác giác, không có tuệ mạng, như thân chết kia. Bài tụng trên nói Như lai chấp nhận câu vặn hỏi, trước hết đáp vặn hỏi đầu. Nói các pháp tánh chẳng có như vậy, đây chỉ là vọng chấp, v.v...

“Tất cả pháp bất sinh, do ngoại đạo thành lập, vì kia tất cả sinh, chẳng duyên được thành lập”. Đây là nói tánh tướng các pháp vốn bất sinh, ngoại đạo không hiểu, chấp pháp luống dối, thành lập có sinh, vì sinh do kia lập chẳng phải do nhân duyên hình thành. Chấp từ thần ngã, minh đế v.v... sinh ra. Nếu có thể hiểu biết pháp từ duyên sinh nên không có tự tánh, không có tự tánh nên tức là vô sinh.

“Tất cả pháp bất sinh, người trí không phân biệt, vì tông kia nhân sinh, thì giác này liền hoại”. Nói người trí biết tất cả pháp tự thể không sinh, không phân biệt có không. Nếu tông bất sinh nhân nơi người khác mà sinh ra pháp, vọng giác như thế tức là hoại nghĩa vốn bất sinh. Hai bài kệ trên đây nói tất cả pháp bất sinh không nên lập tông.

“Ví như mắt bị nhặm, vọng tưởng thấy tóc rũ, các pháp cũng như vậy, kẻ ngu vọng phân biệt”: ý nói vọng tưởng phân biệt chấp có các pháp, thí như mắt bị nhặm, vọng thấy tướng tóc rũ.

“Ba cõi chỉ giả danh, không có thể thật pháp... cho đến sống trong vô phân biệt”: Nói ba cõi có các pháp hữu vô, sinh tử chỉ có giả danh mà không có nghĩa thật. Kẻ ngu không hiểu bậc Thánh phương tiện lập ngôn giáo là giả thi thiết. Do đó phân biệt vọng tưởng chấp đắm danh ngôn sự tướng cho là thật có. Tâm thức hoặc loạn, Bồ-tát Phật tử biết được Như lai phương tiện lời nói, không chấp đắm cảnh giới sở hành vượt qua tình lượng không có phân biệt.

“Không phải nước tưởng nước, đây do khát ái sinh, kẻ ngu thấy pháp vậy, các Thánh không như vậy”. Do vì khát ái nên chỗ không có

nước mà nghĩ lầm là có nước. Lấy thí dụ kẻ ngu do si ái, chổ không sinh diệt có không, vọng tưởng sinh diệt có không. Bài kệ bốn câu trên đây nói Đại Tuệ giả lập năm câu hỏi.

“Bậc Thánh thấy thanh tịnh, sanh ra ba giải thoát... cho đến cho nên sinh quả Thánh”. Ý nói ba giải thoát là từ tri kiến thanh tịnh của bậc Thánh mà sinh. Xa lìa sinh diệt, thường hành cảnh vô tướng, cũng chẳng có các pháp hữu vô, một khác v.v... Do đó mà hữu vô bình đẳng ngộ được thật tướng các pháp, cho nên có công năng sinh ra quả của bậc Thánh.

“Thế nào pháp hữu vô? Thế nào thành bình đẳng?... cho đến khi ấy tướng loạn diệt”. Phật tự nêu câu hỏi thế nào là hữu vô? Thế nào là bình đẳng? Nghĩa là người ngu kia không hiểu thấu các pháp luống dối mà chấp đắm hữu vô, hoặc loạn trong ngoài. Nếu hiểu được hữu vô, vọng tưởng xưa nay bình đẳng thì tướng loạn tự mất. Nửa bài kệ thứ ba ở trên nói Như lai đáp năm câu vặn hỏi của Đại Tuệ, kết hợp các pháp có tự tánh chân thật, hữu vô bình đẳng, có công năng sinh ra quả Thánh. Cho nên chỉ có chứng mới tương ứng, chớ vọng phân biệt.

48. Thưa hỏi về trí này không được phân biệt năng sở:

“Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ... cho đến không khởi phân biệt gọi đó là trí”: Đại Tuệ nhân ở trên nói ba cõi chỉ là giả danh, không có pháp thể chân thật. Lại nói tất cả pháp bất sinh, người trí không phân biệt, cho nên nêu trí đây không được phân biệt năng sở để thưa hỏi.

“Thế tôn! Vì trí kia không được đối với cảnh... cho đến nghĩa một khác cho nên nói chẳng được ư! Như một hạt gạo bỏ vào nhiều hạt gạo, vì tương tự nhau nên không thể phân biệt được, nêu trí chẳng thật có.

“Vì các pháp tự tướng, cộng tướng, các thứ khác nhau, che đậy lẫn nhau mà không được ư?”. Như một ít muối bỏ vào trong nước nhiều thì mùi vị của muối bị lấn át nên không thấy mặn.

“Vì núi non vách đá, nước, lửa, gió ngăn che, nên chẳng thấy được”: Bị có các vật bên ngoài ngăn che nên chẳng thấy được.

“Vì quá xa quá gần, già trẻ mù lòa, các căn chẳng đủ nên chẳng thấy được”: Quá gần là lông mi mắt. Bốn tiết trên đây là Định tông. Dưới đây mỗi thứ nêu lên vặn hỏi.

“Nếu bất giác tự tướng, cộng tướng khác chẳng khác... Vì có cảnh giới mà không biết”. Vì có việc đến mà không thể phân biệt được gọi là vô trí.

“Nếu vì các pháp tự tướng, cộng tướng các thứ khác nhau... cho đến chẳng phải không biết”: Nói chẳng phải là không có tướng cảnh

giới trước cùng với trí hòa hợp gọi là trí.

“Nếu núi non vách đá... cho đến trí không đầy đủ mà không biết”. Do có các việc này không thể phân biệt, cho nên cũng là vô trí.

49. Phật nói đây là thật trí:

“Phật bảo Nay Đại Tuệ! Đây thật là trí... cho đến trí tuệ ở trong rớt ráo không được”. Như lai nói đây thật là trí. Chẳng phải như ông nói không có tướng cảnh giới trước gọi là vô trí. Ông nói có cảnh giới trước mà che lấp lẫn nhau nên trí tuệ chẳng thật có. Ta nói cảnh giới giả danh không thật nên trí tuệ chẳng được mà gọi là trí, vì biết các pháp chỉ do tâm hiện, lìa tánh hữu vô, trí tuệ ở trong đó hoàn toàn không thật có.

“Vì vô đắc cho nên sở tri không khởi, nhập ba môn giải thoát, trí thể cũng quên”: Nói sự chẳng được, trí ở trong cảnh giới bất sinh, nhập ba môn giải thoát trí thể còn mất, hướng chi các pháp bên ngoài khác.

50. Kẻ ngu không biết nên gọi là vô trí:

“Chẳng phải như tất cả giác tướng của phàm phu... cho đến như vậy mà biết gọi là bất trí”: Ý nói chẳng phải như ác giác phân biệt của phàm phu, thói quen luống dối nói suông từ vô thủy, huân tập vọng chấp hình tướng hữu vô của các pháp, khởi như vậy mà biết gọi là bất trí. Không biết các pháp do tâm hiện... cho đến tâm ấy ở trong chấp đoạn”. Nói kẻ ngu kia không biết các pháp chỉ là tự tâm hiện lượng, chấp ngã, ngã sở, phân biệt cảnh trí cho là thật có, vì chướng ngại các căn xa gần không đủ, nên không biết pháp bên ngoài là có hay không, tức gọi là vô trí, gọi là chấp đoạn.

“Vì giúp cho lìa bỏ phân biệt như thế nên nói các pháp chỉ do tâm lập ra”: ý nói ba cõi muôn pháp chỉ do tâm lập ra, là Như lai ứng bệnh của chúng sinh mà cho thuốc, cho nên bài kệ nói: Biết các pháp duy tâm, liền bỏ tướng ngoại trần, do dứt phân biệt này, ngộ chân như bình đẳng, đó gọi là lìa vọng duyên, tức như như Phật. Phàm tình Thánh lượng không đợi lúc thực hành quán riêng mà tự tiêu mất.

51. Phật nói kệ về chấp có nghĩa sở duyên:

“Lúc ấy, Đức Thế Tôn lại nói kệ rằng: Nếu có chỗ sở duyên, trí tuệ chẳng quán thấy, đây vô trí phi trí, đó gọi là phân biệt”: Nhắc lại Bài tụng này chấp có nghĩa sở duyên, tự tướng cộng tướng, một khác của tất cả pháp. Các việc cảnh giới không thể quán sát phân biệt mà biết được, dù cho biết được cũng không phải trí, không biết chẳng phải vô trí. Nếu nói biết không biết thì đó là trí mà vô trí, ấy là phàm phu vọng tưởng chấp đắm.

“Vô biên tướng ẩn nhau, chướng ngại và xa gần... cho đến đó gọi

là tà trí”: Hai bài tụng trên, ba câu đầu là nhắc lại văn trên, câu cuối cùng bác bỏ, lời
văn tự nói rõ.

